

Số: 32/2020/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 25 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định số lượng cán bộ, công chức
xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và
Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của
Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công
chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người
hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;
Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ
Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt
động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;
Theo đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh.*

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên
địa bàn tỉnh Hà Giang theo loại đơn vị hành chính cấp xã, như sau:**

1. Xã, phường, thị trấn loại I tối đa 22 cán bộ, công chức.
2. Xã, phường, thị trấn loại II tối đa 20 cán bộ, công chức.
3. Xã, phường, thị trấn loại III tối đa 18 cán bộ, công chức.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

4. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này đã bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã. Riêng trường hợp luân chuyển về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện theo Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

Điều 2. Quy định kiêm nhiệm chức danh cán bộ cấp xã

1. Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã.

2. Cán bộ cấp xã kiêm nhiệm chức danh cán bộ, công chức cấp xã thì số lượng cán bộ, công chức quy định tại Điều 1 Quyết định này giảm đi tương ứng và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 và thay thế Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ một số nội dung tại các Phụ lục đính kèm Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2017.

2. Đối với những trường hợp cán bộ, công chức cấp xã bị dôi dư do thực hiện sắp xếp theo số lượng quy định tại Quyết định này, được giải quyết chế độ, chính sách theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Thời gian hoàn thành chậm nhất ngày 31/12/2021, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phải đảm bảo số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo đúng quy định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

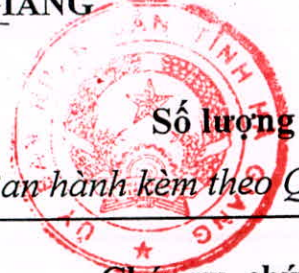
- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Giang;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, CVNCTH, Trung tâm TT-CB (đăng CB, Công TTĐT tỉnh);
- Các sở, cơ quan ngang sở thuộc tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TTr. Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Hệ thống VNPT ioffice;
- Lưu: VT. *vt*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**



PHỤ LỤC

Số lượng cán bộ, công chức đối với xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Chức vụ, chức danh	Số lượng đối với xã, phường, thị trấn loại I	Số lượng đối với xã, phường, thị trấn loại II	Số lượng đối với xã, phường, thị trấn loại III
I	CÁN BỘ	12	12	11
1	Bí thư Đảng uỷ	1	1	1
2	Phó Bí thư Đảng uỷ	1	1	1
3	Chủ tịch Hội đồng nhân dân	1	1	1
4	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	1	1	1
5	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	1	1	1
6	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	2	2	1
7	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1	1	1
8	Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1	1	1
9	Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ	1	1	1
10	Chủ tịch Hội Nông dân	1	1	1
11	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	1	1
II	CÔNG CHỨC	10	8	7
12	Chỉ huy trưởng quân sự	1	1	1

RP

STT	Chức vụ, chức danh	Số lượng đối với xã, phường, thị trấn loại I	Số lượng đối với xã, phường, thị trấn loại II	Số lượng đối với xã, phường, thị trấn loại III
13	Văn phòng - Thống kê	3	2	2
14	Tài chính - Kế toán	1	1	1
15	Tư pháp - Hộ tịch	1	1	1
16	Văn hoá - xã hội	2	1	1
17	Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã)	2	2	1
	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn)	2	2	1